

Số: 5698 /UBND-VP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 6 năm 2018

Về việc báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2017 của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Căn cứ:

- Báo cáo giám sát tài chính năm 2017 của 03 doanh nghiệp nhà nước, bao gồm: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BR-VT; Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển đô thị tỉnh.

- Báo cáo giám sát tài chính năm 2017 của 09 doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, bao gồm: Công ty CP Xây Dựng và Phát triển Đô thị tỉnh; Công ty CP Cao su Thống Nhất; Công ty CP Du lịch tỉnh; Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu; Công ty CP Công trình Giao thông tỉnh; Công ty CP Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu; Công ty CP Dịch vụ Đô thị Bà Rịa; Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh và Đô thị Vũng Tàu; Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Châu Đức.

- Báo cáo giám sát tài chính năm 2017 của 06 doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối, bao gồm: Công ty CP cấp nước BR-VT; Công ty CP Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh; Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ dầu khí Vũng Tàu; Công ty CP Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo; Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành; Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Đô thị huyện Long Điền.

Riêng Người đại diện vốn nhà nước tại các doanh nghiệp: Công ty CP Phát triển Văn hóa Du lịch Vũng Tàu, Công ty CP Xuất nhập khẩu Côn Sơn, Công ty CP Công trình đô thị và công cộng Xuyên Mộc, Công ty CP Thương mại và dịch vụ đến nay chưa gửi báo cáo giám sát theo quy định, vì vậy không có đủ căn cứ để thực hiện báo cáo giám sát tài chính năm 2017 đối với các công ty này.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2017 của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà

nước thuộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

Kính trình Bộ Tài chính xem xét./.

[Đính kèm:

- Báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2017 của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Biểu số 03 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính;

- Biểu tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính của các doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2017.]

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr.Tỉnh ủy (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Các Sở: TC, KH&ĐT, NV, LĐ-TBXH, GTVT, NN&PTNT, DL, XD;
- Các DNNN&DN có VNN (21 DN);
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)***Chủ sở hữu :** Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**Năm báo cáo:** 2017

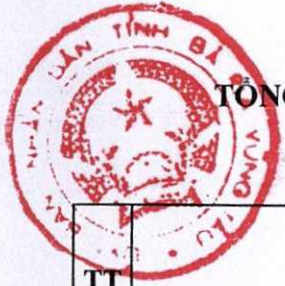
TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	Phải nộp ngân sách (triệu đồng)	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính	Ghi chú
	Công ty TNHH MTV độc lập					
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh	2.872.682	352.110	1.308.513		
2	Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh	321.433	11.646	14.324		
3	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BR-VT	41.896	3.872	3.536		
	Tổng	3.236.011	367.629	1.326.373		

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 13 tháng 5 năm 2018



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long



TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Kèm theo công văn số 5698/UBND-VP ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT)

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp nhà nước		Doanh thu (trđồng)	Lợi nhuận sau thuế (trđồng)	Phải nộp ngân sách (trđồng)	Tỷ lệ cổ tức được chia	Giá trị cổ tức phần vốn nhà nước được hưởng	Ghi chú
			Giá trị	Tỷ lệ						
I	Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1.122.022	719.164	64,1%	1.757.529	134.777	128.137		27.580	
1	Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	34.000	20.400	60,00%	198.833	8.082	14.239	12%	2.448	
2	Công ty CP DV Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	54.000	35.100	65,00%	116.174	20.723	14.324	12%	4.212	
3	Công ty CP Dịch vụ đô thị Bà Rịa	45.419	34.937	76,92%	101.112	11.704	8.898	14%	4.891	
4	Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức	17.420	11.520	66,13%	25.063	2.269	1.498	10%	1.152	
5	Công ty CP Công trình Giao thông tỉnh	78.000	42.310	54,24%	413.966	10.045	13.381	11%	4.654	
6	Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	164.238	130.026	79,17%	170.336	54.093	22.901	0%	-	
7	Công ty CP Cao su Thống Nhất	192.500	98.175	51,00%	102.732	26.753	10.567	8%	7.854	
8	Công ty CP Du lịch tỉnh	186.445	109.784	58,88%	158.794	-5.829	28.091	0%	-	
9	Công ty CP Xây dựng và phát triển đô thị tỉnh	350.000	236.912	67,69%	470.520	6.935	14.239	1%	2.369	
II	Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ	1.175.200	418.274	35,6%	1.156.801	184.022	10.062		52.037	
1	Công ty CP Cấp nước BR-VT	600.000	228.367	38,06%	591.372	158.663	-	20%	45.673	
2	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh	350.000	94.500	27,00%	27.990	3.768	533	0%	-	
3	Công ty CP Thủy sản và XNK Côn Đảo	80.000	27.475	34,34%	420.408	20.148	2.494	16%	4.396	
4	Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển đô thị Huyện Long Điền	15.200	4.560	30,00%	23.068	2.707	1.848	15%	684	
5	Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành	20.000	9.872	49,36%	51.140	5.185	3.013	13%	1.283	
6	Công ty CP Đóng Tàu và Dịch vụ dầu khí Vũng Tàu	110.000	53.500	48,64%	42.824	-6.449	2.175	0%	-	
	Tổng	2.297.222	1.137.438	99,7%	2.914.330	318.798	138.199		79.617	

* Riêng Người đại diện vốn nhà nước tại các doanh nghiệp: Công ty CP Phát triển Văn hóa Du lịch Vũng Tàu, Công ty CP Xuất nhập khẩu Côn Sơn, Công ty CP Công trình đô thị và công cộng Xuyên Mộc, Công ty CP Thương mại và dịch vụ chưa gửi báo cáo giám sát theo quy định, vì vậy không có đủ căn cứ để thực hiện báo cáo giám sát tài chính năm 2017 đối với các công ty này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Chủ sở hữu: UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung:

Công ty TNHH MTV Thoát nước và phát triển đô thị là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập theo quyết định số 5584/QĐ-UBND ngày 18/6/2003 của UBND tỉnh BR-VT. Công ty chuyển đổi sang mô hình công ty TNHH nhà nước một thành viên theo quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh BR-VT.

Ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực hoạt động công ích như: Quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, duy trì, bảo vệ, vận hành nhà máy nước thải và các công trình phục vụ yêu cầu thoát nước đô thị; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, đầu tư và phát triển đô thị, nhận thầu thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ bảo vệ môi trường...

Công ty Busadco có 03 đơn vị trực thuộc đó là Chi nhánh Miền Bắc, Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco và Công ty Dịch vụ và thương mại tổng hợp Busadco.

II. Chi tiết đánh giá của Chủ sở hữu:

1. Bảng phân tích số liệu:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	1.519.626	1.633.428	113.802	107,5%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>506.756</i>	<i>594.659</i>	<i>87.903</i>	<i>117,3%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.328.305	1.423.473	95.168	107,2%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>1.324.723</i>	<i>1.372.665</i>	<i>47.941</i>	<i>103,6%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	449.570	511.320	61.750	113,7%
	<i>Trong đó: Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>2.605</i>	<i>2.823</i>	<i>218</i>	<i>108,4%</i>
4	Tổng nợ phải trả	191.321	209.955	18.634	109,7%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>191.256</i>	<i>209.900</i>	<i>18.644</i>	<i>109,7%</i>
5	Hàng tồn kho	35.244	42.986	7.742	122,0%
	<i>Trong đó: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>419</i>	<i>547</i>	<i>128</i>	<i>130,5%</i>
6	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	952.708	983.907	31.199	103,3%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	276.480	321.433	44.953	116,3%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>274.988</i>	<i>319.359</i>	<i>44.371</i>	<i>116,1%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>999</i>	<i>1.791</i>	<i>791</i>	<i>179,2%</i>
2	Tổng chi phí	260.686	309.173	48.487	118,6%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	260.038	308.468	48.430	118,6%
	- Chi phí hoạt động tài chính	398	441	43	110,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	15.795	12.260	-3.534	77,6%
4	Chi phí thuế TNDN	822	614	-208	74,7%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	14.973	11.646	-3.326	77,8%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ phải thu/tổng tài sản	0,296	0,313	0,02	105,8%
2	Hệ số nợ phải trả/nguồn vốn CSH	0,144	0,147	0,00	102,4%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	17,6%	13,1%	-0,04	74,7%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	5,4%	3,6%	-0,02	66,9%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,6	2,8	0,18	106,9%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,5	2,6	0,16	106,6%

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản của Công ty là 1.633.428 triệu đồng, tăng 113.802 triệu đồng và bằng 107% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn là 594.659 triệu đồng, tăng 87.903 triệu đồng và bằng 117% so với năm 2016; tài sản cố định là 33.949 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.423.473 triệu đồng, tăng 95.168 triệu đồng và bằng 107% so với năm 2016. Trong đó vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 1.331.215 triệu đồng, gồm có:

- + Nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh: 852.934 triệu đồng;
- + Nguồn vốn ngân sách trung ương: 363.146 triệu đồng;
- + Nguồn khác: 115.135 triệu đồng.

* Nguyên nhân tăng: Trong năm 2017, Công ty bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 96.651 triệu đồng, tăng trích quỹ đầu tư phát triển 3.494 triệu đồng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu là 321.433 triệu đồng, tăng 44.953 triệu đồng và bằng 116% so với năm 2016, trong đó doanh thu hoạt động SXKD chính là 319.359 triệu đồng, chiếm 99% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 11.646 triệu đồng, giảm 3.326 triệu đồng và bằng 78% so với năm 2016.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (không tính nguồn vốn ODA) là 13% (nếu tính cả nguồn vốn ODA thì tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu chỉ bằng 0,85).

3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ năm 2017:

- Nợ phải trả là 209.955 triệu đồng, tăng 18.634 triệu đồng, tăng 10% so với năm 2016, chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Cụ thể:

+ Phải trả người bán ngắn hạn: 102.612 triệu đồng.

+ Chi phí phải trả ngắn hạn 54.119 triệu đồng, là khoản chi phí phải trả về tiền thù lao, chi phí thi công được trích trước trên cơ sở tạm tính và sẽ được quyết toán khi có xác nhận giữa các bên, cụ thể: Phải trả thù lao bản quyền tác giả 23.125 triệu đồng, chi phí thi công các công trình thuộc dự án thu gom, xử lý và thoát nước TP Vũng Tàu 29.946 triệu đồng.

+ Thuế và các khoản phải nộp 14.688 triệu đồng.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (nợ phải trả/vốn chủ sở hữu) của Công ty là 0,14 lần (nếu loại trừ nguồn vốn ODA thì hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu rất cao là 2,3 lần). Hệ số này cho thấy 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 2,3 đồng vốn huy động từ bên ngoài và nguồn vốn ODA, điều này đồng nghĩa với việc nguồn vốn hoạt động của công ty chủ yếu từ nguồn vốn vay ODA.

(Hiện nay, Công ty được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư triển khai thực hiện 06 dự án có sử dụng nguồn vốn ODA, , trong đó có 01 dự án đang triển khai giai đoạn thực hiện dự án và 05 dự án đang chuẩn bị đầu tư).

4. Tình hình đầu tư tài chính năm 2017:

Hiện nay công ty có góp vốn thành lập 02 công ty cổ phần đó là Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị, Công ty CP Xây lắp Busadco và đầu tư góp vốn vào Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành, cụ thể như sau:

- Đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Busadco 3.616 triệu đồng với tỷ lệ sở hữu là 57,11% vốn điều lệ. Kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2017 có lãi, số lũy kế lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2017 là 4.724 triệu đồng.

- Đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị 8.115 triệu đồng, với tỷ lệ sở hữu 68,05% vốn điều lệ. Kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2017 có lãi, số lũy kế lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2017 là 8.515 triệu đồng.

- Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành với tổng số tiền là 7.996,5 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 39,98% vốn điều lệ. Với kết quả đạt được trong năm 2017, Công ty nhận được chia cổ tức cho phần vốn góp là 13% vốn điều lệ.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2017:

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 29.607 triệu đồng. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 614 triệu đồng.

- Số đã nộp trong năm bao gồm số phát sinh trong năm và số tồn năm trước 22.587 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 14.386 triệu đồng.

6. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 694 người lao động với thu nhập bình quân 7,6 triệu đồng/người/tháng.

III. KẾT LUẬN CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Qua các chỉ tiêu phân tích nêu trên thể hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 không mang lại hiệu quả cao, kết quả doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với năm 2016.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện các trình tự thủ tục để cổ phần hóa theo quy định tại Quyết định số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Hình thức cổ phần: Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Hiện nay, Công ty đã hoàn thành việc bán cổ phần ra công chúng và bán cho nhà Đầu tư chiến lược, với tổng số 10.000.000 cổ phần.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH 
CHỖ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN CÂY XANH VÀ ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung:

- Công ty được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 08/05/2009 của UBND tỉnh BR-VT. Ngày 5/10/2010, công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là: Quản lý chăm sóc, bảo vệ, duy tu, sửa chữa, tôn tạo và trồng mới các công viên cây xanh; Nghiên cứu khoa học, nhân tạo giống cây trồng, hoa cây cảnh, vườn ươm; Tư vấn ươm, trồng, chăm sóc cây xanh, cây cảnh; Thi công công trình công viên cây xanh, khuôn viên sân vườn, hoa tiểu cảnh, hồ nước nghệ thuật, trang trí điện nghệ thuật; xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp thoát nước đô thị và nông thôn, thủy lợi; công trình điện dân dụng và công nghiệp đến 35KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng.

- Vốn điều lệ là 34.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 20.400 triệu đồng, tương đương 2.040.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 60% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu:

Dvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>	<i>4=2/1</i>
1	Tổng cộng tài sản	101.212	101.818	606	100,60%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>73.985</i>	<i>77.320</i>	<i>3.335</i>	<i>104,51%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	47.251	48.352	1.101	102,33%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>38.525</i>	<i>40.270</i>	<i>1.745</i>	<i>104,53%</i>
3	Tổng doanh thu	158.172	198.833	40.661	125,71%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>158.078</i>	<i>197.889</i>	<i>39.811</i>	<i>125,18%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>86,5</i>	<i>47</i>	<i>216,27%</i>
4	Tổng chi phí	148.085	162.798	14.713	109,94%
	<i>Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>1.764</i>	<i>1.039</i>	<i>-725</i>	<i>58,92%</i>
5	Lợi nhuận trước thuế	10.086	10.569	483	104,79%
6	Chi phí thuế TNDN	2.105	2.487	382	118,15%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.981	8.082	101	101,27%
8	Nợ phải thu	37.209	61.175	23.966	164,41%
9	Nợ phải trả	53.962	53.466	-496	99,08%
10	Hàng tồn kho	35.621	6.774	-28.847	19,02%
11	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,53	0,53		

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
12	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	1,14	1,33		
13	Tỷ suất LNST/vốn CSH	20,72%	20,07%		96,86%
14	Tỷ suất LNST/doanh thu	5,00%	4,06%		81,30%
15	Hệ số thanh toán hiện thời	1,4	1,5		
16	Hệ số thanh toán nhanh	0,7	1,4		
17	Hệ số bảo toàn vốn	1,02	1,02		
18	Tỷ lệ cổ tức được	12%	12%		

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản của doanh nghiệp là 101.818 triệu đồng, tăng 0,6% so với năm 2016.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 48.352 triệu đồng, tăng 2,33% so với năm 2016.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu thực hiện là 198.833 triệu đồng, tăng 25,71% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 8.082 triệu đồng, tăng 1,27% so với năm 2016.

c. Tình hình công nợ và khả năng thanh toán năm 2017:

- Tổng nợ phải thu là 61.175 triệu đồng, tăng 23.966 triệu đồng so với năm 2016.

- Tổng số nợ phải trả là 53.466 triệu đồng, giảm 496 triệu đồng so với năm 2016.

- Hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp là 1,4 nghĩa là doanh nghiệp có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số thanh toán hiện thời của doanh nghiệp là 1,5 (Một đồng nợ ngắn hạn phải trả được đảm bảo bởi 1,5 đồng tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn).

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của doanh nghiệp là 0,53 có nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 53 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay.

- Hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân của doanh nghiệp là 1,33. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng nguồn vốn vay lớn, rủi ro cao.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời năm 2017:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 20,07%, giảm 3,14% so với năm 2016.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 4,06%, giảm 18,7% so với năm 2016.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng 1,02. Doanh nghiệp bảo toàn được nguồn vốn.

b. Tình hình thu nộp ngân sách năm 2017:

- Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước là 6.526 triệu đồng, đạt 116% so với kế hoạch giao.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 5.843 triệu đồng.

2.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích năm 2017:

Doanh nghiệp có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực Quản lý chăm sóc, bảo vệ, duy tu, sửa chữa, tôn tạo và trồng mới các công viên cây xanh; theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác với tỷ trọng doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích của nhà nước là 67,61% tổng doanh thu của doanh nghiệp, cụ thể là 135.674 triệu đồng doanh thu công ích/198.833 triệu đồng tổng doanh thu.

Doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ công ích bảo đảm tiêu chuẩn quy định.

2.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Năm 2017, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 12%/vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



K.T. CHỦ TỊCH
NGƯỜI CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Chủ sở hữu: UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. So với kế hoạch năm 2017

Dvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		So sánh	
		Kế hoạch	Thực hiện	Giá trị	%
		1	2	3 = 2 - 1	4 = 2/1
1	Doanh thu và thu nhập khác	45.200	41.896	-3.304	92,69%
2	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	5.280	3.872	-1.408	73,33%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	3.410	3.536	126	103,70%
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	13,12%	9,68%	0	73,77%

b. So với thực hiện năm 2016

Dvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện		So sánh	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng doanh thu	41.779	41.896	117	100,28%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Doanh thu hoạt động SXKD</i>	41.220	41.764	544	101,32%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	18	3	-15	15,55%
2	Tổng chi phí	35.178	36.879	1.700	104,83%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Chi phí hoạt động SXKD</i>	26.879	28.203	1.324	104,93%
	<i>Chi phí quản lý</i>	4.639	5.090	451	109,71%
	<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	3.017	3.254	237	107,87%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.600	5.017	-1.583	76,02%
4	Chi phí thuế TNDN	2.122	1.145	-978	53,94%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	4.478	3.872	-605	86,48%

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

Nhận xét: Từ bảng số liệu trên cho thấy trong năm 2017 các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và số phải nộp ngân sách nhà nước của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BR-VT (viết tắt là Công ty) không đạt so với các chỉ tiêu kế hoạch đã được chủ sở hữu giao và tăng nhẹ so với thực hiện năm 2016. Nguyên nhân là do trong năm 2017, giá cao su trên thị trường giảm và sản lượng sản xuất của Công ty thấp do đó doanh thu và lợi nhuận của Công ty khá thấp.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

a. Các chỉ tiêu tài chính

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	116.528	116.181	-348	99,70%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	17.990	17.988	-2	99,99%
	<i>Tài sản dài hạn</i>	98.538	98.192	-346	99,65%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	39.237	40.008	771	101,96%
3	Nợ phải thu ngắn hạn	709	275	-434	38,79%
4	Tổng nợ phải trả	77.022	75.691	-1.331	98,27%
5	Nợ ngắn hạn	42.734	41.403	-1.331	96,89%
6	Hàng tồn kho	16.320	17.285	965	105,91%

b. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm		Tăng (+); Giảm (-)
		2016	2017	
		1	2	3
1	Khả năng sinh lời:			
	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	12,64%	9,24%	-3,40%
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	3,84%	3,33%	-0,51%
	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	11,41%	9,68%	-1,73%
2	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện thời	0,42	0,43	1,45
	Khả năng thanh toán nhanh	0,04	0,02	-2,30
3	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	15,44%	15,48%	0,04%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	84,56%	84,52%	-0,04%
	Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn	18,26%	18,32%	0,06%
4	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	66,33%	65,15%	-1,18%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	33,67%	34,44%	0,77%
	Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	197,01%	189,19%	-7,82%

Nhận xét:

- Về khả năng sinh lời: Các hệ số sinh lời của Công ty năm 2017 giảm so với năm 2016. Nguyên nhân là do doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều giảm so với năm 2016 như đã phân tích ở trên.

- Về khả năng thanh toán: Hệ số tổng tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn của công ty là 0,43 (nhỏ hơn 1) tức là tài sản lưu động nhỏ hơn nợ ngắn hạn, lúc này các tài sản ngắn hạn sẵn có nhỏ hơn nhu cầu ngắn hạn, vì thế công ty có khả năng không trả hết các khoản nợ ngắn hạn đúng hạn.

- Về các chỉ tiêu cân đối nợ, cơ cấu tài chính, tài sản: Kết cấu tài sản của công ty cho thấy tài sản của công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, tỷ trọng tài sản

ngắn hạn thấp, vốn lưu động của công ty rất ít. Cảnh đó, công ty sử dụng nguồn vốn vay lớn dẫn đến công ty có nợ phải trả nhiều hơn vốn chủ sở hữu, điều này gây ra rủi ro lớn trong việc thanh toán nợ của công ty.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình đầu tư tài sản: Công ty không có thực hiện đầu tư các dự án mới. Công ty chỉ đang tiếp tục thực hiện dự án chuyển đổi cây trồng từ trồng cây lâm nghiệp sang trồng cây cao su.

- Tình hình huy động vốn: Tổng nợ phải trả lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 75.691 triệu đồng, bao gồm vay ngắn hạn là 31.350 triệu đồng.

- Tình hình công nợ: Công nợ phải thu ngắn hạn đến ngày 31/12/2017 là 275 triệu đồng.

4. Tình hình thu nộp ngân sách

- Số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2017 là 3.536 triệu đồng.

- Số đã nộp vào ngân sách năm 2017 là 3.104 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp ngân sách đến ngày 31/12/2017 là 1.545 triệu đồng.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Năm 2017, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BR-VT có tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh có hiệu quả tuy nhiên lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước, bảo toàn được vốn nhà nước.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 6 năm 2018



KI CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC

**Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo 2017**

I. Thông tin chung

- Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của UBND tỉnh BR-VT. Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 22/6/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là thi công, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông và dân dụng, các công trình công ích và thực hiện các dịch vụ công ích.

- Tổng Vốn điều lệ: 17.420 triệu đồng. Trong đó vốn góp nhà nước 11.520 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 66,13% tổng vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Các chỉ tiêu tài chính:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	30.369,5	24.329,2	-6.040,3	80,11%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	23.754,2	20.330,5	-3.423,7	85,59%
	<i>Tài sản dài hạn</i>	6.615,3	3.998,7	-2.616,6	60,45%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	22.337,0	21.370,3	-966,7	95,67%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	18.812,6	19.101,1	288,5	101,53%
3	Khoản phải thu ngắn hạn	7.645,5	5.533,2	-2.112,3	72,37%
4	Tổng nợ phải trả	8.032,5	2.958,9	-5.073,6	36,84%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	8.032,50	2.958,90	-5.073,6	36,84%
5	Hàng tồn kho	3.845,3	993,5	-2.851,8	25,84%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	29.807,67	25.062,60	-4.745,1	84,08%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	29.114,3	24.231,5	-4.882,8	83,23%
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	621,7	694,5	72,8	111,71%
2	Tổng chi phí	25.553,95	22.225,00	-3.329,0	86,97%
	<i>Trong đó: Chi phí hoạt động SXKD</i>	25.553,6	22.189,7	-3.363,9	86,84%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.253,72	2.837,60	-1.416,1	66,71%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
4	Chi phí thuế TNDN	859,9	568,4	-291,5	66,10%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	3.393,82	2.269,20	-1.124,6	66,86%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ phải thu/ tổng tài sản	0,25	0,23	-0,024	90,34%
2	Hệ số nợ phải trả /nguồn vốn CSH	0,36	0,14	-0,221	38,50%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	15,19%	10,62%	-4,58%	69,89%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	11,39%	9,05%	-2,33%	79,52%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,96	6,87	3,914	232,34%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,48	6,54	4,057	263,67%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	16.838,0	20.290,9	3.452,9	120,51%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	56,5%	81,0%	24,5%	143,32%

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản của doanh nghiệp là 24.329 triệu đồng, giảm 6.040 triệu đồng, đạt 80% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 3.423 triệu đồng, bằng 85% so với năm 2016; Tài sản dài hạn giảm 2.616 triệu đồng bằng 60% so với năm 2016.

Nguyên nhân: Do trong năm Công ty đã thu hồi được nợ, các khoản phải thu giảm 2.112 triệu đồng, hàng hóa tồn kho giảm 2.851 triệu đồng so với năm 2016.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 21.370 triệu đồng, giảm 966 triệu đồng, bằng 96% so với năm 2016.

* Nguyên nhân: Trong năm 2017 kết quả hoạt động của Công ty giảm 1.124 triệu đồng, bằng 67% so với năm 2016 đã làm ảnh hưởng đến nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu thực hiện là 25.062 triệu đồng, giảm 4.745 triệu đồng và bằng 84% so với năm 2016. Trong đó: Doanh thu dịch vụ công ích 20.290 triệu đồng, tăng 3.452 triệu đồng so với năm 2016; doanh thu các hợp đồng xây dựng bên ngoài giảm 8.335 triệu đồng và bằng 32% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 2.269 triệu đồng, giảm 1.124 triệu đồng và bằng 67% so với năm 2016.

* Nguyên nhân giảm: Trong năm 2017, do khó khăn từ việc đấu thầu, công ty không có thi công xây dựng công trình, doanh thu chủ yếu từ dịch vụ công ích và thu hồi nợ còn lại của các công trình đã thi công xong các năm trước.

2. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ:

- Nợ phải trả là 2.959 triệu đồng, giảm 5.073 triệu đồng và bằng 37% so với năm 2016; chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn, trong đó thuế và các khoản phải nộp là 383 triệu đồng, phải trả người lao động là 1.615 triệu đồng.

- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,14.

- Hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp đạt 6,5 lần.

3. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 10,6%, giảm 4,5% so với năm 2016.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 9%, giảm 2,3% so với năm 2016.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách:

- Số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2017 của công ty là 1.498 triệu đồng. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là 568 triệu đồng.

- Số đã nộp trong năm bao gồm số phát sinh trong năm và số tồn năm trước 2.523 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 383 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là thi công, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông và dân dụng, các công trình công ích và thực hiện các dịch vụ công ích. Tuy nhiên, doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích trong năm 2017 là 20.290 triệu đồng, chiếm 81% tổng doanh thu trong năm 2017.

6. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 90 người lao động với thu nhập bình quân 7 triệu đồng/người/tháng.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong năm 2017, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty có chiều hướng đi xuống, doanh thu, lợi nhuận đều giảm so với năm trước và có xu hướng giảm thêm trong các năm tiếp theo. Với kết quả đạt được, đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 10%/Vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 12/8/2013.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ công ích; xây dựng công trình; hoạt động phục vụ tang lễ.

Vốn điều lệ là 45.419 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 34.937 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 76,9% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	81.157	87.122	5.965	107,35%
2	Tài sản ngắn hạn	51.872	58.391	6.519	112,57%
3	Nguồn vốn CSH (MS 410)	54.145	57.935	3.790	107,00%
4	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	45.958	46.231	273	100,59%
5	Hàng tồn kho	9.258	6.439	-2.819	69,56%
6	Nợ phải thu	17.926	20.100	2.174	112,13%
7	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	944	884	-60	93,64%
8	Nợ phải trả	26.572	29.187	2.615	109,84%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	17.926	20.023	2.097	111,70%
10	Tổng doanh thu	69.791	101.112	31.321	144,88%
11	Lợi nhuận trước thuế	10.221	14.633	4.412	143,17%
12	Lợi nhuận sau thuế	8.188	11.704	3.516	142,94%
13	Nộp NSNN	4.435	8.898	4.463	200,64%
14	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,33	0,34		
15	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,58	0,63		
16	Hệ số thanh toán nhanh	2,38	2,59		
17	Hệ số thanh toán hiện thời	2,89	2,92		
18	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	17,80%	25,32%		
19	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	11,70%	11,58%		

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017

- Tổng tài sản của doanh nghiệp là 87.122 triệu đồng, tăng 5.965 triệu đồng và bằng 107,35% so với năm 2016.

- Nợ phải thu của doanh nghiệp là 20.100 triệu đồng, tăng 2.174 triệu đồng và bằng 112,13% so với năm 2016.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 57.935 triệu đồng, tăng 3.790 triệu đồng và bằng 107% so với năm 2016.

- Nợ phải trả của doanh nghiệp là 29.187 triệu đồng, tăng 2.615 triệu đồng và bằng 109,84% so với năm 2016.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 2,92. Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,34.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,63.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu thực hiện là 101.112 triệu đồng, tăng 31.321 triệu đồng và bằng 144,88% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 11.704 triệu đồng, tăng 3.516 triệu đồng và bằng 142,94% so với năm 2016.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 25,32%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 11,58%.

b. Tình hình thu nộp Ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 8.898 triệu đồng.

- Số đã nộp vào ngân sách là 8.007 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp ngân sách đến ngày 31/12/2017 là 13.540 triệu đồng.

c. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động năm 2017

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 375 người lao động với thu nhập bình quân 6,78 triệu đồng/người/tháng.

2.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích năm 2017

Doanh nghiệp có thực hiện cung cấp các dịch vụ công ích với tỷ trọng doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích của nhà nước lớn hơn 70% tổng doanh thu của doanh nghiệp, cụ thể là 80,3% (81.224 triệu đồng doanh thu công ích/101.112 triệu đồng tổng doanh thu).

Doanh thu công ích của doanh nghiệp tăng 59% so với thực hiện năm 2016.

2.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Năm 2017, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, tỷ lệ cổ tức dự kiến được chia năm 2017 là 14%/vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



Ký CHỦ TỊCH
Ó CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

**Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo 2017**

I. Thông tin chung:

- Công ty được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 04/05/2010 của UBND tỉnh. Ngày 6/10/2010, công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là: thu gom và vận chuyển rác thải; vận hành, duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện công nghiệp, điện dân dụng, đường dây tải điện dưới 35KVA; xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông và dân dụng, các công trình công ích và thực hiện các dịch vụ công ích; cho thuê các thiết bị chuyên dùng, xe cuốn ép rác, xe thang, xe cầu rổ, xe cuốc, xe xúc lật, thùng rác, nhà vệ sinh công cộng;

- Vốn điều lệ là 54.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 35.100 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	125.304	125.070	-234	99,8%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>92.409</i>	<i>85.377</i>	<i>-7.032</i>	<i>92,4%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	94.883	105.051	10.168	110,7%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>77.951</i>	<i>78.969</i>	<i>1.019</i>	<i>101,3%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	6.772	9.823	3.051	145,1%
4	Tổng nợ phải trả	30.421	20.019	-10.402	65,8%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>30.421</i>	<i>20.019</i>	<i>-10.402</i>	<i>65,8%</i>
5	Hàng tồn kho	6.420	3.366	-3.054	52,4%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	126.734	116.174	-10.560	91,7%
	<i>Trong đó: - Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>123.946</i>	<i>112.961</i>	<i>-10.985</i>	<i>91,1%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>2.585</i>	<i>2.966</i>	<i>382</i>	<i>114,8%</i>
2	Tổng chi phí	106.185	90.261	-15.924	85,0%
	<i>Trong đó: - Chi phí hoạt động SXKD</i>	<i>106.057</i>	<i>90.105</i>	<i>-15.952</i>	<i>85,0%</i>
	<i>- Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>17</i>	<i>12</i>	<i>-5</i>	<i>71,0%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	20.549	25.913	5.364	126,1%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
4	Chi phí thuế TNDN	4.129	5.189	1.060	125,7%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	16.420	20.723	4.304	126,2%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ phải thu/tổng tài sản	0,054	0,079	0,024	145,3%
2	Hệ số nợ phải trả/nguồn vốn CSH	0,32	0,19	-0,130	59,4%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	21,1%	26,2%	5,2%	124,6%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	13,0%	17,8%	4,9%	137,7%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	3,04	4,26	1,227	140,4%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,83	4,10	1,270	144,9%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	12%	12%	0,0%	100,0%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	92.370	95.998	3.628	103,9%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	72,9%	82,6%	9,7%	113,4%

(Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản là 125.070 triệu đồng, giảm 234 triệu đồng, bằng 99% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 7.032 triệu đồng, bằng 92% so với năm 2016; Tài sản dài hạn tăng 6.798 triệu đồng, bằng 120% so với năm 2016. Trong đó tài sản cố định là 39.432 triệu đồng, tăng 6.711 triệu đồng so với năm 2016, chiếm 32% tổng tài sản.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 105.051 triệu đồng, tăng 10.168 triệu đồng và bằng 110% so với năm 2016.

- Nợ phải trả là 20.019 triệu đồng, giảm 10.402 triệu đồng và bằng 65% so với năm 2016, chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Trong đó thuế và các khoản phải nộp là 2.024 triệu đồng, phải trả người lao động là 10.000 triệu đồng.

- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 19%.

- Hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp đạt 4,1 lần, doanh nghiệp có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu là 116.174 triệu đồng, giảm 10.560 triệu đồng và bằng 92% so với năm 2016. Trong đó: Doanh thu dịch vụ công ích là 95.998 triệu đồng, tăng 3.628 triệu đồng so với năm 2016, doanh thu các hợp đồng xây dựng bên ngoài giảm 14.613 triệu đồng, bằng 53% so với thực hiện năm 2016.

* Nguyên nhân giảm: Trong năm 2017, nhà nước cắt giảm nguồn vốn đầu tư công, nhất là đối với các dự án xây dựng cơ bản, dự án sử dụng vốn ngân sách bị thu hẹp. Mặt khác, do công tác đấu thầu xây lắp gặp phải sự cạnh tranh giữa các

nhà thầu gay gắt, việc trúng thầu thi công ngày càng khó khăn, vì vậy doanh thu các hợp đồng xây dựng năm 2017 giảm so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 20.723 triệu đồng, tăng 4.304 triệu đồng và bằng 126% so với năm 2016.

3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 26,2%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 17,8%.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2017:

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 14.324 triệu đồng. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 5.189 triệu đồng.

- Số đã nộp trong năm bao gồm số phát sinh trong năm và số tồn năm trước là 15.185 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 2.024 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích năm 2017:

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là thi công, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông và dân dụng, các công trình công ích và thực hiện các dịch vụ công ích. Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích trong năm 2017 là 95.998 triệu đồng, chiếm 82% tổng doanh thu trong năm 2017.

6. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 468 người lao động với thu nhập bình quân 09 triệu đồng/người/tháng.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty có chiều hướng đi xuống, doanh thu giảm so với năm trước. Với kết quả đạt được, đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 16%/vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

K.T. CHỦ TỊCH
ĐẠI HỘI CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 26/6/2006.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Trồng mới, khai thác cao su; chế biến, kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Vốn điều lệ: 192.500 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước 98.175 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1. Bảng phân tích số liệu

Dvt: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	325.090	335.517	10.427	103,21%
2	Tài sản ngắn hạn	183.816	192.494	8.678	104,72%
3	Nguồn vốn CSH (MS 410)	307.433	312.271	4.838	101,57%
4	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	284.458	285.518	1.060	100,37%
5	Hàng tồn kho	13.054	18.477	5.423	141,54%
6	Nợ phải thu	12.974	5.646	-7.328	43,51%
7	Nợ phải thu khó đòi	5.887	5.887	0	100,00%
8	Nợ phải trả	17.657	23.246	5.589	131,65%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	17.645	23.246	5.601	131,74%
10	Tổng doanh thu	86.544	102.732	16.188	118,70%
11	Lợi nhuận trước thuế	23.645	29.317	5.672	123,99%
12	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	22.544	26.753	4.209	118,67%
13	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,05	0,07		
14	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,06	0,08		
15	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	7,90%	9,37%		
16	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	26,00%	26,04%		
17	Hệ số thanh toán hiện thời	10,42	8,28		
18	Hệ số thanh toán nhanh	9,68	7,49		

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017

- Tổng tài sản của Công ty là 335.517 triệu đồng, tăng 10.427 triệu đồng và bằng 103,21% so với năm 2016.

- Nợ phải thu của Công ty là 5.646 triệu đồng, giảm 7.328 triệu đồng và bằng 43,5% so với năm 2016. Công ty phát sinh khoản phải thu ngắn hạn khó đòi là 5.887 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 312.271 triệu đồng, tăng 4.838 triệu đồng và bằng 101,57% so với năm 2016.

- Nợ phải trả của Công ty là 23.246 triệu đồng, tăng 5.589 triệu đồng và bằng 131,65% so với năm 2016. Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 8,28. Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,07.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,08.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu thực hiện của Công ty là 102.732 triệu đồng, tăng 16.188 triệu đồng và bằng 118,7% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 26.753 triệu đồng, tăng 4.209 triệu đồng và bằng 118,67% so với năm 2016.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 9,37%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu của Công ty là 26,04%.

b. Tình hình đầu tư tài chính

Năm 2004, Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần dịch vụ Xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Baria Serece) là 1.796.000 USD tương đương 26.811 triệu đồng theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này. Việc đầu tư vào Công ty Baria Serece mang lại kết quả cao, trong năm 2017 được chia cổ tức 14.692 triệu đồng.

2.4. Tình hình thu nộp Ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 10.567 triệu đồng.

- Số đã nộp vào ngân sách là 7.331 triệu đồng.

2.5. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 393 người lao động với thu nhập bình quân 84 triệu đồng/người/năm.

2.6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Năm 2017, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 8%/vốn điều lệ.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



KI CHỮ TỊCH
SHO CHỮ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm Báo cáo: năm 2017

I. Thông tin chung

- Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu. Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 05/11/2012, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là hoa tiêu hàng hải, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa...

- Vốn điều lệ là 164.237 triệu đồng. Trong đó vốn góp của nhà nước là 130.025 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 79,17% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Các chỉ tiêu tài chính:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	257.516,7	249.716,3	-7.800,4	97,0%
	<i>Trong đó: - Tài sản ngắn hạn</i>	150.788,7	55.843,7	-94.945,0	37,0%
	<i>- Tài sản dài hạn</i>	106.728,0	193.872,6	87.144,6	181,7%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu (MS 400)	199.088,3	223.922,8	24.834,5	112,5%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	164.668,0	169.383,6	4.715,6	102,9%
3	Khoản phải thu ngắn hạn	45.904,5	21.530,2	-24.374,3	46,9%
	<i>Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	155,9	154,7	-1,2	99,2%
4	Tổng nợ phải trả	58.428,4	25.793,4	-32.635,0	44,1%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả ngắn hạn</i>	58.007,3	25.353,3	-32.654,0	43,7%
	<i>- Nợ phải trả dài hạn</i>	421,2	440,1	18,9	104,5%
5	Hàng tồn kho	1.435,9	6.742,3	5.306,4	469,6%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	89.777,5	170.335,6	80.558,1	189,7%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	85.631,9	167.233,4	81.601,5	195,3%
	<i>+ Doanh thu cung cấp dịch vụ hoa tiêu</i>	72.446,5	150.814,0	78.367,5	208,2%
	<i>+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	3.780,1	4.244,9	464,8	112,3%
	<i>+ Doanh thu dịch vụ khác</i>	9.583,7	12.389,8	2.806,1	129,3%
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	4.039,3	2.985,7	-1.053,6	73,9%
2	Tổng chi phí	77.514,1	102.710,5	25.196,4	132,5%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Chi phí hoạt động SXKD</i>	77.531,3	97.793,3	20.262,0	126,1%
	<i>- Chi phí hoạt động tài chính</i>	-42,8	4.885,7	4.928,5	
3	Lợi nhuận trước thuế	12.263,4	67.625,1	55.361,6	551,4%
4	Chi phí thuế TNDN	2.438,5	13.532,1	11.093,6	554,9%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	9.824,9	54.093,0	44.268,1	550,6%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ phải thu/tổng tài sản	0,18	0,09	-0,09	48,4%
2	Hệ số nợ phải trả/nguồn vốn CSH	0,29	0,12	-0,18	39,2%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	4,9%	24,2%	19,2%	489,5%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	10,9%	31,8%	20,8%	290,2%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,60	2,20	-0,40	84,7%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,57	1,94	-0,64	75,2%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	4%	0%	-4,0%	0,0%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	72.446	150.814	78.368,0	208,2%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	80,7%	88,5%	7,8%	109,7%

(Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản là 249.716 triệu đồng, giảm 7.800 triệu đồng và bằng 97% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 94.945 triệu đồng, bằng 37% so với năm 2016; tài sản dài hạn tăng 87.144 triệu đồng, bằng 181% so với năm 2016. Nguyên nhân:

+ Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải 3.477.100 USD tương đương 79.034 triệu đồng nâng tổng mức đầu tư lên 166.358 triệu đồng, chiếm 25,6% vốn điều lệ.

+ Hoàn thành đưa vào sử dụng tàu ca nô vỏ nhôm hợp kim với tổng giá trị 16.719 triệu đồng; mua thêm 01 căn nhà bổ sung thêm phòng nghỉ cho hoa tiêu tại trạm hoa tiêu Phú Mỹ với tổng giá trị 2.100 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 223.923 triệu đồng, tăng 12% so với thực hiện năm 2016.

- Nợ phải trả là 25.793 triệu đồng, giảm 32.635 triệu đồng, bằng 44% so với năm 2016, chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Trong đó thuế và các khoản phải nộp là 4.248 triệu đồng, phải trả người lao động là 11.053 triệu đồng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu là 170.335 triệu đồng, tăng 80.558 triệu đồng và bằng 189% so với năm 2016; trong đó doanh thu hoạt động công ích là 150.814 triệu đồng, chiếm 88% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 54.093 triệu đồng, tăng 44.268 triệu đồng và bằng 550% so với thực hiện năm 2016.

* Nguyên nhân tăng: Trong năm 2017, cơ chế tài chính Công ty chuyển từ phí sang giá, vì vậy toàn bộ nguồn thu từ dịch vụ hoa tiêu hàng hải để lại Công ty, vì vậy doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng cao so với năm 2016.

c. Tình hình đầu tư tài chính năm 2017:

Tính đến 31/12/2017, công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải là 166.358 triệu đồng, chiếm 25,6% vốn điều lệ. Việc đầu tư này chưa mang lại hiệu quả, trong năm 2017, công ty trích lập dự phòng khoản đầu tư này là 6.949 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn vào chứng khoán của Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà là 2.444 triệu đồng và thực hiện dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là 1.592 triệu đồng.

3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ:

- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,12.
- Hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp đạt 1,9 lần. Doanh nghiệp có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ đến hạn.

4. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời năm 2017:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 24%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 32%.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2017:

Số phát sinh phải nộp ngân sách là 22.900 triệu đồng. Số đã nộp trong năm bao gồm số phát sinh trong năm và số tồn năm trước 48.030 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 4.248 triệu đồng.

6. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 197 người lao động với thu nhập bình quân 24 triệu đồng/người/tháng.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Qua các chỉ tiêu phân tích và các nguyên nhân nêu trên, kết quả hoạt động SXKD trong năm 2017 của Công ty mang lại hiệu quả cao, các chỉ số về doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu và trên vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2016. Nguyên nhân: Do thay đổi cơ chế theo quyết định 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải. Theo đó cơ chế tài chính của Công ty thay đổi từ phí dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải sang giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải, toàn bộ nguồn thu từ giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được để lại cho Công ty.

Việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải chưa mang lại hiệu quả kể từ khi góp vốn đến nay (16 năm); trong năm 2017, công ty trích lập dự phòng 6.949 triệu đồng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH QUỐC TẾ TỈNH BR-VT**

**Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017**

1. Thông tin chung:

- Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây viết tắt là công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 14/07/2010 của UBND Tỉnh BR-VT. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/12/2010.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Du lịch lữ hành quốc tế, nội địa; Vận chuyển hành khách; kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, hướng dẫn tham quan; Kinh doanh dịch vụ bãi biển.

- Vốn điều lệ là 350.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 94.500 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 27% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	395.595	385.348	-10.247	97,41%
2	Tài sản ngắn hạn	15.413	46.623	31.210	302,49%
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	367.940	360.508	-7.432	97,98%
4	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	350.000	350.000	0	100,00%
5	Tổng nợ phải thu	6.293	5.957	-336	94,65%
6	Nợ phải thu ngắn hạn	6.209	5.867	-342	94,48%
7	Tổng nợ phải trả	27.655	24.840	-2.815	89,82%
8	Nợ phải trả ngắn hạn	16.762	24.788	8.026	147,88%
9	Tổng doanh thu	32.242	27.990	-4.252	86,81%
10	Tổng chi phí	28.016	24.222	-3.794	86,46%
11	Lợi nhuận trước thuế	4.226	3.768	-458	89,15%
12	Lợi nhuận sau thuế	4.226	3.768	-458	89,15%
13	Phải nộp ngân sách	605	532,678	-72	88,05%
14	Hệ số thanh toán hiện thời	0,9	1,88		
15	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,1	0,06		
16	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,1	0,07		
17	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH	1,20%	1,08%		
18	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /doanh thu	13,10%	13,46%		

(Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản là 385.348 triệu đồng, giảm 2,59% so với năm 2016. Trong đó, nợ phải thu là 5.957 triệu đồng, giảm 5,35% so với năm 2016.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 360.508 triệu đồng, giảm 2,02% so với năm 2016. Tổng nợ phải trả là 24.840 triệu đồng, giảm 10,18% so với năm 2016.

- Hệ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,88 lần. Doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty là 0,06.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu 0,07.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu là 27.990 triệu đồng, giảm 13,19% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 3.768 triệu đồng, giảm 10,85% so với năm 2016.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của công ty thấp, chỉ đạt 1,08% cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đem lại được 1,08 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu của công ty là 13,46%.

2.4. Tình hình thu nộp Ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước là 532,6 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 476 triệu đồng. Số còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 113 triệu đồng.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Từ những đánh giá trên cho thấy, trong năm 2017 hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh rất thấp, nhiều năm liền không chia cổ tức.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

KI. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH 



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 13/8/2009.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Vốn điều lệ: 78.000 triệu đồng, trong đó vốn góp của nhà nước là 42.310 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 54,24% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	331.013	364.485	33.472	110,11%
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	100.780	99.307	-1.473	98,54%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	84.359	85.930	1.571	101,86%
4	Hàng tồn kho	42.522	65.519	22.997	154,08%
5	Nợ phải thu	162.147	154.677	-7.470	95,39%
	<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>1.769</i>	<i>1.884</i>	<i>115</i>	<i>106,52%</i>
6	Nợ phải trả	230.232	265.178	34.946	115,18%
7	Tổng doanh thu	533.384	413.966	-119.417	77,61%
8	Lợi nhuận trước thuế	16.780	12.931	-3.849	77,06%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	13.090	10.045	-3.045	76,74%
10	Nộp NSNN	13.780	13.381	-399	97,10%
11	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,70	0,73		
12	Hệ số nợ/Vốn CSH	2,73	3,09		
13	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	15,52%	11,69%		
14	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	2,45%	2,43%		

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017

- Tổng tài sản của Công ty là 364.485 triệu đồng, tăng 33.472 triệu đồng và bằng 110,11% so với năm 2016.

- Nợ phải thu của Công ty là 154.677 triệu đồng, giảm 7.470 triệu đồng và bằng 95,39% so với năm 2016. Công ty phát sinh khoản phải thu ngắn hạn khó đòi là 1.884 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 99.307 triệu đồng, giảm 1.473 triệu đồng và bằng 98,54% so với năm 2016.

- Nợ phải trả của Công ty là 265.178 triệu đồng, tăng 34.946 triệu đồng và bằng 115,18% so với năm 2016.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,01 lần.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,73.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 3,09.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu thực hiện của Công ty là 413.966 triệu đồng, giảm 119.417 triệu đồng và bằng 77,61% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 10.045 triệu đồng, giảm 3.045 triệu đồng và bằng 76,74% so với năm 2016.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 11,69%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu của Công ty là 2,43%.

- Cổ tức dự kiến được chia năm 2017 là 11%.

b. Tình hình đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2017, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn ra ngoài doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Tham gia làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức (2.800 triệu đồng), cổ tức được chia năm 2017 là 280 triệu đồng.

- Đầu tư vào công ty con là 12.557 triệu đồng, gồm: Công ty CP Công trình giao thông Miền Đông (5.211 triệu đồng), cổ tức được chia năm 2017 là 432 triệu đồng; Công ty CP Công trình giao thông và Đô thị Côn Đảo (2.178 triệu đồng), cổ tức được chia năm 2017 là 170 triệu đồng; Công ty CP XD giao thông và Đô thị Châu Thành (2.618 triệu đồng), cổ tức được chia năm 2017 là 178 triệu đồng; Công ty CP XD giao thông và Đô thị Long Thành (2.550 triệu đồng), cổ tức được chia năm 2017 là 191 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Công ty còn đang thực hiện một số dự án với chi phí xây dựng dở dang là 39.767 triệu đồng, chủ yếu gồm:

- Dự án mố nhô cầu Chà Và tại xã Long Sơn, TP.Vũng Tàu được thực hiện từ năm 2010 với tổng số vốn đã đầu tư là 16.129 triệu đồng. Hiện nay, Công ty đang tìm đối tác sang nhượng dự án hoặc liên doanh, liên kết.

- Dự án mở sỏi phún tại huyện Châu Đức được thực hiện từ năm 2010 với tổng số vốn đã đầu tư là 13.614 triệu đồng

- Dự án mở puzalang tại huyện Châu Đức được thực hiện từ năm 2010 với tổng số vốn đã đầu tư là 4.920 triệu đồng.

- Dự án nhà nghỉ Côn Đảo được thực hiện từ năm 2010 với tổng số vốn đã đầu tư là 2.881 triệu đồng.

c. Tình hình thu nộp ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 13.381 triệu đồng.

- Số đã nộp vào ngân sách là 9.480 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp ngân sách đến ngày 31/12/2017 là 7.149 triệu đồng.

d. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 450 người lao động với thu nhập bình quân 96,6 triệu đồng/người/năm.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính; tuy nhiên vẫn còn một số báo cáo chưa gửi đúng thời hạn quy định.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Năm 2017, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, tỷ lệ cổ tức dự kiến được chia năm 2017 là 11%/vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TÂN THÀNH

**Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo 2017**

1. Thông tin chung:

- Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Tân Thành (sau đây viết tắt là công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 4967/QĐUB ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 24/09/2009.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Thi công, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng; Thi công, quản lý, chăm sóc công viên, công xanh, thảm cỏ; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình dân dụng ...

- Vốn điều lệ là 20.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 9.872 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 49,36% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	29.192	33.895	4.703	116,11%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>18.913</i>	<i>22.368</i>	<i>3.455</i>	<i>118,27%</i>
2	Nguồn vốn	23.792	26.062	2.270	109,54%
	<i>Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)</i>	<i>20.170</i>	<i>20.886</i>	<i>716</i>	<i>103,55%</i>
3	Tổng nợ phải thu	10.213	14.391	4.178	140,91%
	<i>Trong đó: Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>10.213</i>	<i>14.391</i>	<i>4.178</i>	<i>140,91%</i>
4	Tổng nợ phải trả	5.399	7.834	2.435	145,09%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>5.399</i>	<i>7.834</i>	<i>2.435</i>	<i>145,09%</i>
5	Hàng tồn kho	6.372	331	-6.041	5,19%
6	Tổng doanh thu	54.244	51.140	-3.104	94,28%
7	Tổng chi phí	49.731	44.607	-5.124	89,70%
8	Lợi nhuận trước thuế	4.513	6.533	2.020	144,75%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.585	5.185	1.600	144,64%
10	Phải nộp ngân sách	2.820	3.013	193	106,84%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	11%	13%		
12	Hệ số thanh toán hiện thời	3,50	2,86		81,51%
13	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,18	0,23		124,96%
14	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,27	0,38		140,12%
15	Tỷ suất LNST/vốn CSH	17,80%	24,83%		139,48%
16	Tỷ suất LNST/doanh thu	6,60%	10,14%		153,63%

(Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản là 33.895 triệu đồng, tăng 4.703 triệu đồng so với năm 2016. Trong đó tổng nợ phải thu là 14.391 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 20.886 triệu đồng, tăng 716 triệu đồng so với năm 2016. Trong đó, tổng nợ phải trả là 7.834 triệu đồng.

- Hệ số thanh toán hiện thời là 2,86. Doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản là 0,23.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,38.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Tổng doanh thu là 51.140 triệu đồng, giảm 3.104 triệu đồng, bằng 94,28% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 5.185 triệu đồng, tăng 1.600 triệu đồng và bằng 144,64% so với năm 2016.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 24,83%, điều này cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đem lại được 24,83 đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 10,14%.

2.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2017:

Số phát sinh phải nộp ngân sách là 3.013 triệu đồng. Số đã nộp là 2.345 triệu đồng, số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 1.693 triệu đồng.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Qua các chỉ tiêu phân tích phân tích nêu trên cho thấy doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 13%/vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP ĐÓNG TÀU VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 3555/QĐ-UBND ngày 06/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 20/5/2007.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng; đóng tàu và kết cấu nổi; thương mại; dịch vụ và dịch vụ chuyên ngành dầu khí; kinh doanh và khai thác cảng biển.

Vốn điều lệ là 110.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 53.500 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 48,64% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1. Bảng phân tích số liệu

Đvt: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	171.958	153.438	-18.520	89,23%
2	Tài sản ngắn hạn	51.228	31.709	-19.519	61,90%
3	Nguồn vốn CSH (MS 410)	118.869	111.771	-7.098	94,03%
4	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	113.012	113.012	0	100,00%
5	Hàng tồn kho	6.149	3.629	-2.520	59,01%
6	Nợ phải thu	13.560	4.705	-8.855	34,70%
7	Nợ phải trả	53.089	41.667	-11.422	78,49%
8	Nợ phải trả ngắn hạn	15.139	3.718	-11.421	24,56%
9	Tổng doanh thu	68.935	42.824	-26.112	62,12%
10	Lợi nhuận trước thuế	2.445	-6.449	-8.894	-263,76%
11	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.946	-6.449	-8.395	-331,39%
12	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,31	0,27		
13	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,47	0,37		
14	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	1,72%	-5,71%		
15	Tỷ suất LNST/Doanh thu	2,82%	-15,06%		
16	Hệ số thanh toán hiện thời	3,38	8,53		
17	Hệ số thanh toán nhanh	2,98	7,55		

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017

- Tổng tài sản là 153.438 triệu đồng, giảm 10,77% so với năm 2016. Trong đó, nợ phải thu ngắn hạn là 4.704 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 111.771 triệu đồng, giảm 5,97% so với năm 2016. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn là 3.718 triệu đồng, giảm 75,44% so với năm 2016.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 8,53 lần. Doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản là 0,27.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,37.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu là 42.824 triệu đồng, giảm 26.112 triệu đồng và bằng 62,12% so với năm 2016.

- Công ty phát sinh số lỗ sau thuế là 6.449 triệu đồng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không mang lại lợi nhuận nên trong năm 2017, việc sử dụng vốn không mang lại hiệu quả.

b. Tình hình thu nộp ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 2.175 triệu đồng

- Số đã nộp là 2.631 triệu đồng; Số tồn đọng còn phải nộp ngân sách đến ngày 31/12/2017 là 3,7 triệu đồng.

c. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 80 người lao động với thu nhập bình quân 72,7 triệu đồng/người/năm.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Từ những đánh giá trên cho thấy, trong năm 2017 hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty rất thấp.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



K.T. CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ ĐTPT ĐÔ THỊ HUYỆN LONG ĐIỀN

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 23/03/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 06/8/2010.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ công ích và xây lắp.

Vốn điều lệ: 15.200 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 4.560 triệu đồng chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản	22.618	21.890	-728	96,78%
2	Tài sản ngắn hạn	22.016	19.258	-2.758	87,47%
3	Nguồn vốn CSH (MS 410)	20.644	20.439	-206	99,00%
4	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+421)	16.094	16.252	158	100,98%
5	Hàng tồn kho	0	855	855	
6	Nợ phải thu	3.390	3.178	-212	93,73%
7	Nợ phải trả	1.973	1.451	-523	73,52%
8	Nợ phải trả ngắn hạn	4.664	1.498	-3.166	32,12%
9	Tổng doanh thu	26.716	23.068	-3.648	86,34%
10	Lợi nhuận trước thuế	4.068	3.353	-715	82,42%
11	Lợi nhuận sau thuế	3.162	2.707	-455	85,61%
12	Nộp NSNN	2.627	1.848	-779	70,35%
13	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,087	0,066		
14	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,123	0,089		
15	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	19,65%	16,65%		
16	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	11,83%	11,73%		
17	Hệ số thanh toán hiện thời	4,72	12,86		
18	Hệ số thanh toán nhanh	4,72	12,29		

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017

- Tổng tài sản của doanh nghiệp là 21.890 triệu đồng, giảm 728 triệu đồng và bằng 96,78% so với năm 2016.

- Nợ phải thu là 3.178 triệu đồng, giảm 212 triệu đồng và bằng 93,3% so với năm 2016.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 20.439 triệu đồng, giảm 206 triệu đồng và bằng 99% so với năm 2016.

- Nợ phải trả là 1.451 triệu đồng, giảm 523 triệu đồng và bằng 73,52% so với năm 2016.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 12,86. Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,07.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,09.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu thực hiện là 23.068 triệu đồng, giảm 3.648 triệu đồng và bằng 86,34% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế là 2.707 triệu đồng, giảm 455 triệu đồng và bằng 85,61% so với năm 2016.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 16,65%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 11,73%.

b. Tình hình thu nộp Ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 2.241 triệu đồng.

- Số đã nộp vào ngân sách là 2.375 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp ngân sách đến ngày 31/12/2017 là 938 triệu đồng.

c. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 130 người lao động với thu nhập bình quân 72,7 triệu đồng/người/năm.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Năm 2017, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 15%/vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

K.T. CHỦ TỊCH 
ĐẠI CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

**Chủ sở hữu phân vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo 2017**

I. Thông tin chung:

- Công ty Cổ phần Thủy sản và XNK Côn Đảo (gọi tắt: Công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2006, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500121495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2006, sửa đổi lần thứ 10 vào ngày 29/6/2013.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy sản.

- Vốn điều lệ là 80.086 triệu đồng. Trong đó vốn góp nhà nước là 27.475 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 34,3% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá:

1. Bảng phân tích số liệu:

Dvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	181.870	167.083	-14.787	91,87%
	<i>Trong đó: - Tài sản ngắn hạn</i>	<i>81.056</i>	<i>84.285</i>	<i>3.228</i>	<i>103,98%</i>
	<i>- Tài sản dài hạn</i>	<i>100.813</i>	<i>82.798</i>	<i>-18.015</i>	<i>82,13%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	104.413	117.308	12.895	112,35%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>84.652</i>	<i>88.381</i>	<i>3.729</i>	<i>104,41%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	36.820	37.252	432	101,17%
4	Tổng nợ phải trả	72.363	44.970	-27.393	62,14%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>72.363</i>	<i>44.970</i>	<i>-27.393</i>	<i>62,14%</i>
5	Hàng tồn kho	25.910	18.162	-7.748	70,09%
6	Tổng doanh thu	490.305	420.408	-69.896	85,74%
	<i>Trong đó: - Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>483.827</i>	<i>410.385</i>	<i>-73.442</i>	<i>84,82%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>5.701</i>	<i>7.048</i>	<i>1.347</i>	<i>123,63%</i>
7	Tổng chi phí	481.793	394.938	-86.855	81,97%
	<i>Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>12.529</i>	<i>3.375</i>	<i>-9.153</i>	<i>26,94%</i>
8	Lợi nhuận trước thuế	8.511	25.470	16.959	299,26%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	8.511	20.148	11.637	236,73%
10	Số phải nộp ngân sách	1.807	2.494	687	138,01%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	7%	16%		
12	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,40	0,27		67,64%
13	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	0,85	0,51		59,52%
14	Tỷ suất LNST/vốn CSH	10,05%	22,80%		226,74%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
15	Tỷ suất LNST/doanh thu	1,74%	4,79%		276,08%
16	Hệ số thanh toán hiện thời	1,12	1,87		167,32%
17	Hệ số thanh toán nhanh	0,76	1,47		192,94%

(Theo số liệu trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản là 167.083 triệu đồng, giảm 14.787 triệu đồng và bằng 91,87% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn là 84.285 triệu đồng, tài sản dài hạn là 82.798 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 117.308 triệu đồng, tăng 12.895 triệu đồng và bằng 112,35% so với năm 2016.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu là 420.408 triệu đồng, giảm 69.896 triệu đồng và bằng 85,74% so với năm 2016, trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh là 410.385 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 25.470 triệu đồng, tăng 16.959 triệu đồng và bằng 299,26 % so với năm 2016.

3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ:

- Các khoản phải thu trong năm 2017 là 37.252 triệu đồng, tăng 432 triệu đồng và bằng 101,17% so với năm 2016.

- Tổng số nợ phải trả trong năm là 44.970 triệu đồng, giảm 27.393 triệu đồng và bằng 62,14% so với năm 2016, trong đó nợ ngắn hạn 44.970 triệu đồng.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản là 0,27; điều này cho thấy cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 27 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay:

- Hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu là 0,51.

- Hệ số thanh toán hiện thời bằng 1,87. Doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

4. Tình hình đầu tư tài chính:

Tính đến 31/12/2017, công ty đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn ra ngoài doanh nghiệp với tổng số vốn là 46.634 triệu đồng, cụ thể:

- Đầu tư vào công ty con (Công ty CP Thương cảng Vũng Tàu) từ năm 2003 với số tiền là 20.058 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 55,72% vốn điều lệ, cổ tức được chia năm 2017 là 2.407 triệu đồng. Hiện nay do cầu cảng, luồng lạch ngày càng xuống cấp nên trong thời gian tới tình hình kinh doanh của Công ty này sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Đầu tư vào công ty liên kết là 20.900 triệu đồng, gồm:

+ Công ty Cổ phần Thủy sản Tắc Cậy tỉnh Kiên Giang (KICOIMEX) là 10.400 triệu đồng, chiếm 20,8% vốn điều lệ, cổ tức được chia năm 2017 là 2.302 triệu đồng. Kể từ tháng 05/2017, KICOIMEX giảm sản lượng bán cho Công ty và từ tháng 12/2017 thì không bán sản phẩm cho Công ty mà tự xuất khẩu. Với thực trạng hoạt động và kế hoạch sản xuất của KICOIMEX, Công ty dự kiến sẽ thoái vốn tại KICOIMEX trong thời gian tới.

+ Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển tỉnh Trà Vinh là 10.500 triệu đồng, chiếm 35% vốn điều lệ. Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển đang ngừng hoạt động. Công ty thực hiện dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty này là 7.325 triệu đồng.

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Công ty CP chế biến XNK Thủy sản Hùng Cường) với số tiền 5.676,5 triệu đồng. Khả năng mất vốn đầu tư tại Công ty CP chế biến XNK Thủy sản Hùng Cường là rất cao. Năm 2017, Công ty đã trích dự phòng tài chính cho khoản đầu tư tại Công ty này là 5.676,5 triệu đồng

- Đầu tư mua 4,1 ha đất tại tỉnh Kiên Giang xây dựng Nhà máy chế biến Surimi 16.503 triệu đồng. Công ty đã thực hiện chuyển nhượng lại toàn bộ lô đất 4,1 ha này để thu hồi lại vốn. Hiện nay, Công ty đã thu hồi được phần tiền san lấp mặt bằng, các khoản còn lại đang tích cực thu hồi.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách năm 2017:

Số phát sinh phải nộp ngân sách là 2.494 triệu đồng. Số đã nộp 5.967 triệu đồng, số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 1.381 triệu đồng.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong năm 2017, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn so với năm 2016. Với kết quả đạt được, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 16%/Vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung:

- Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 3500101386 cấp ngày 17/11/2007.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại....

- Tổng Vốn điều lệ: 600.000 triệu đồng. Trong đó vốn góp của nhà nước: 228.367 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 38,06% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	586.590	761.015	174.425	129,74%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>263.299</i>	<i>404.819</i>	<i>141.520</i>	<i>153,75%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	475.409	632.254	156.845	132,99%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>472.428</i>	<i>623.929</i>	<i>151.501</i>	<i>132,07%</i>
3	Tổng doanh thu	555.271	591.372	36.101	106,50%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>433.997</i>	<i>563.831</i>	<i>129.834</i>	<i>129,92%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>20.449</i>	<i>26.728</i>	<i>6.279</i>	<i>130,71%</i>
4	Tổng chi phí	384.081	396.353	12.272	103,20%
5	Lợi nhuận trước thuế	171.190	195.019	23.829	113,92%
6	Chi phí thuế TNDN	31.564	36.356	4.792	115,18%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	139.627	158.663	19.036	113,63%
8	Nợ phải thu	79.426	65.982	-13.444	83,07%
9	Nợ phải trả	111.181	128.761	17.580	115,81%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>104.733</i>	<i>122.627</i>	<i>17.894</i>	<i>117,09%</i>
10	Hàng tồn kho	36.730	45.780	9.050	124,64%
11	Phải nộp ngân sách	75.377	88.756	13.379	117,75%
12	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt	5%	20%		
13	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,19	0,17		89,05%
14	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	0,23	0,21		89,73%
15	Tỷ suất LNST/vốn CSH	29,60%	25,43%		85,91%
16	Tỷ suất LNST/doanh thu	25,10%	26,83%		106,89%
17	Hệ số thanh toán hiện thời	2,5	3,30		132,05%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
18	Hệ số thanh toán nhanh	2,2	2,93		133,09%
19	Hệ số bảo toàn vốn	1,3	1,32		101,59%

(Nguồn số liệu từ báo cáo tài chính 2017 của doanh nghiệp đã được kiểm toán)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản của doanh nghiệp là 761.015 triệu đồng, tăng 29,7% so với năm 2016.

- Tổng số vốn đầu tư và vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2017 là 632.254 triệu đồng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện là 591.372 triệu đồng, tăng 6,5% so với năm 2016, đạt 103% chỉ tiêu kế hoạch giao trong năm 2017; trong đó doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 563.831 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế trong là 158.663 triệu đồng, tăng 13,63%% so với năm 2016.

c. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ:

- Tổng nợ phải thu là 65.982 triệu đồng, giảm 16,93% so với năm 2016.

- Tổng số nợ phải trả là 128.761 triệu đồng, tăng 15,81% so với năm 2016.

- Hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp đạt 2,93 nghĩa là doanh nghiệp có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản của doanh nghiệp là 0,17 nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản của doanh nghiệp có 17 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay.

- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,21 nghĩa là cứ 100 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 21 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và nguồn chiếm dụng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 25,43%, giảm 14,27% so với năm 2016. Nguyên nhân do trong năm 2017 Công ty tăng vốn điều lệ từ 465.000 triệu đồng lên 600.000 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 26,83%, tăng 6,89% so với năm 2016.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng 1,32. Doanh nghiệp phát triển được nguồn vốn chủ sở hữu.

2.4. Tình hình thu nộp Ngân sách năm 2017:

- Trong năm 2017, doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 88.756 triệu đồng (trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là 36.356 triệu đồng).

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 78.418 triệu đồng. Số tồn đọng đến 31/12/2017 còn phải nộp là 20.568 triệu đồng.

2.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017:

Doanh nghiệp tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Với kết quả đạt được, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức được chia năm 2017 là 20%/Vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

KI. CHỦ TỊCH
ĐẠI HỘI CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung:

- Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (sau đây viết tắt là công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 17/8/2009.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi; Kinh doanh nhà, bất động sản; Xây dựng nhà ở, công trình công nghiệp, công cộng, kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, môi giới tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản...

- Vốn điều lệ là 350.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 236.912 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 67,69% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản				
	- Công ty mẹ	959.638	1.031.494	71.856	107,49%
	- Hợp nhất	1.078.984	1.154.440	75.456	106,99%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>				
	- Công ty mẹ	458.460	522.753	64.293	114,02%
	- Hợp nhất	484.162	553.255	69.093	114,27%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu				
	- Công ty mẹ	364.775	372.473	7.698	102,11%
	- Hợp nhất	409.687	413.267	3.580	100,87%
	<i>Trong đó: Vốn CSH(MS 411+418+422)</i>				
	- Công ty mẹ	364.775	357.550	-7.225	98,02%
3	Tổng doanh thu				
	- Công ty mẹ	915.051	388.132	-526.919	42,42%
	- Hợp nhất	986.686	470.520	-516.166	47,69%
4	Tổng chi phí				
	- Công ty mẹ	909.301	376.485	-532.816	41,40%
	- Hợp nhất	979.421	460.064	-519.357	46,97%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>				
	- Công ty mẹ	13.233	10.257	-2.976	77,51%
	- Hợp nhất	23.259	19.858	-3.401	85,38%
5	Lợi nhuận trước thuế				
	- Công ty mẹ	5.750	11.647	5.897	202,56%
	- Hợp nhất	7.265	10.456	3.190	143,91%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)				
	- Công ty mẹ	5.750	9.430	3.680	164,00%
	- Hợp nhất	6.165	6.935	770	112,49%
7	Nợ phải thu ngắn hạn				
	- Công ty mẹ	196.504	289.132	92.628	147,14%
	- Hợp nhất	204.426	298.176	93.750	145,86%
8	Tổng nợ phải trả				
	- Công ty mẹ	594.862	659.021	64.159	110,79%
	- Hợp nhất	669.297	741.173	71.876	110,74%
9	Hệ số nợ/Tổng tài sản				
	- Công ty mẹ	0,62	0,64		
	- Hợp nhất	0,62	0,64		
10	Hệ số nợ/Vốn CSH				
	- Công ty mẹ	1,63	1,84		
11	Tỷ suất LNST/Vốn CSH				
	- Công ty mẹ	1,58%	2,64%		
12	Tỷ suất LNST/Doanh thu				
	- Công ty mẹ	0,63%	2,43%		
	- Hợp nhất	0,62%	1,47%		
13	Hệ số thanh toán hiện thời				
	- Công ty mẹ	1,24	1,18		
	- Hợp nhất	1,27	1,14		

(Số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017:

* Tổng tài sản:

- Công ty mẹ là 1.031.494 triệu đồng, tăng 7,49% so với năm 2016, trong đó tài sản ngắn hạn là 522.753 triệu đồng, tăng 14,02% so với năm 2016.

Nợ phải thu ngắn hạn là 289.132 triệu đồng, tăng 47,14% so với năm 2016.

- Theo số liệu hợp nhất, tổng tài sản là 1.154.440 triệu đồng, tăng 6,99% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn là 553.255 triệu đồng, tăng 14,27% so với năm 2016.

Nợ phải thu ngắn hạn là 298.176 triệu đồng, tăng 45,86% so với năm 2016.

* Nguồn vốn:

- Nguồn vốn chủ sở hữu:

+ Công ty mẹ là 372.473 triệu đồng, tăng 2,11% so với năm 2016. Tổng nợ phải trả công ty mẹ là 659.021 triệu đồng, tăng 10,79% so với năm 2016.

+ Theo số liệu hợp nhất, nguồn vốn chủ sở hữu là 413.269 triệu đồng, tăng 0,87% so với năm 2016. Tổng nợ phải trả là 741.173 triệu đồng, tăng 10,74% so với năm 2016.

- Hệ số thanh toán hiện thời:

+ Công ty mẹ là 1,18 lần có nghĩa một đồng nợ ngắn hạn phải trả được đảm bảo bởi 1,18 đồng tài sản ngắn hạn.

+ Theo báo cáo hợp nhất, hệ số thanh toán hiện thời là 1,14 có nghĩa là một đồng nợ ngắn hạn phải trả được đảm bảo bởi 1,14 đồng tài sản ngắn hạn.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ là 1,84.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty mẹ là 0,64 nghĩa là cứ 1 đồng tài sản đưa vào kinh doanh có 0,64 đồng là huy động từ bên ngoài.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Công ty mẹ:

+ Tổng doanh thu là 388.132 triệu đồng, giảm 526.919 triệu đồng so với năm 2016.

+ Lợi nhuận sau thuế là 9.430 triệu đồng, tăng 3.680 triệu đồng so với năm 2016.

- Hợp nhất:

+ Tổng doanh thu hợp nhất là 470.520 triệu đồng, giảm 516.166 triệu đồng so với năm 2016.

+ Lợi nhuận sau thuế là 6.935 triệu đồng, tăng 770 triệu đồng so với năm 2016.

c. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời năm 2017:

- Công ty mẹ:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 2,64% cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ bỏ ra đem lại được 2,64 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 2,43%.

- Hợp nhất:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 1,47%, cho thấy cứ 100 đồng doanh thu đem lại được 1,47 đồng lợi nhuận sau thuế.

d. Tình hình thực hiện dự án đầu tư, huy động vốn:

- Dự án khách sạn Golf Phú Mỹ do Công ty làm chủ đầu tư tại địa chỉ số 1 Nguyễn Văn Linh, TT. Phú Mỹ, Huyện Tân Thành. Dự án này đang được đưa vào khai thác kinh doanh, doanh thu có chiều hướng tăng.

- Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư, mở rộng sang lĩnh vực Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Châu Đức. Nguồn vốn thực hiện theo hình thức tự đầu tư và hợp tác đầu tư trong đó mức tổng đầu tư cho dự án là 50.000 triệu đồng. Cuối năm 2017, lĩnh vực này đã có sản phẩm trên thị trường là dưa lưới với nhãn hiệu UFARM.

2.3. Tình hình thu nộp Ngân sách của công ty mẹ năm 2017

- Số phải nộp ngân sách đầu năm là 3.028 triệu đồng, số phát sinh phải nộp ngân sách trong năm là 3.216 triệu đồng, số đã nộp là 1.792 triệu đồng, số còn phải nộp là 3.945 triệu đồng.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 có hiệu quả tuy nhiên chưa đạt so với kế hoạch đầu năm do một số các công trình triển khai thi công chậm vì chủ đầu tư chưa bàn giao mặt bằng thi công như: Công trình đường 30/4; đường Mỹ Xuân Ngãi Giao; công trình hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở công nhân KCN Phú Mỹ.

Hiện tại, Công ty đang tạm dừng hoạt động kinh doanh bất động sản do tình hình thị trường không tốt và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

Theo Nghị quyết cổ đông thường niên năm 2018, Công ty chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 1%/Vốn điều lệ.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH BR-VT**

**Chủ sở hữu: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo: 2017**

I. Thông tin chung:

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh (Công ty) là doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ. Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2017 là 610.000 triệu đồng.

II. Chi tiết đánh giá của Chủ sở hữu:

1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh 2017/2016	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng tài sản	1.302.120	1.324.496	22.376	101,7%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	1.157.795	1.145.215	-12.580	98,9%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	770.310	770.310	0	100,0%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	770.310	770.310	0	100,0%
3	Khoản phải thu ngắn hạn	194.881	192.613	-2.268	98,8%
4	Tổng nợ phải trả	531.810	554.186	22.376	104,2%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	531.790	553.986	22.196	104,2%
5	Hàng tồn kho	7.573	12.302	4.729	162,5%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	2.665.090	2.872.682	207.592	107,8%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	2.645.448	2.847.644	202.196	107,6%
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	18.845	22.601	3.756	119,9%
2	Tổng chi phí	2.231.005	2.432.333	201.329	109,0%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Chi phí hoạt động SXKD</i>	2.230.760	2.431.896	201.136	109,0%
	<i>- Chi phí hoạt động tài chính</i>	0	0	0	
3	Lợi nhuận trước thuế	434.086	440.349	6.263	101,4%
4	Chi phí thuế TNDN	87.124	88.239	1.115	101,3%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	346.962	352.110	5.148	101,5%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ phải thu/tổng tài sản	0,15	0,15	-0,004	97,2%
2	Hệ số nợ phải trả/Nguồn vốn	0,69	0,72	0,029	104,2%
3	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	45,0%	45,7%	0,007	101,5%
4	Tỷ suất LNST/Doanh thu	13,0%	12,3%	-0,008	94,2%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,2	2,1	-0,110	95,0%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,2	2,0	-0,118	94,5%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,0	1,0	0,000	100,0%

(Theo số liệu trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính năm 2017:

- Tổng tài sản là 1.324.496 triệu đồng, tăng 22.376 triệu đồng và bằng 101,7% so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn 1.145 triệu đồng, giảm 12.580 triệu đồng và bằng 99% so với năm 2016, tài sản cố định 169.063 triệu đồng, tăng 55.209 so với năm 2016.

Nguyên nhân tăng: Trong năm 2017, do chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 51.192 triệu đồng, chủ yếu là khoản chi phí xây dựng nhà 123 Bạch Đằng (tăng 44.491 triệu đồng) và đầu tư văn phòng đại diện tại tỉnh Bình Thuận (6.659 triệu đồng).

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 770.310 triệu đồng, bằng 100% so với năm 2016, trong đó nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 160.310 triệu đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Từ bảng số liệu trên cho thấy trong năm 2017, các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận và số phải nộp ngân sách nhà nước của Công ty đều đạt và vượt so với các chỉ tiêu kế hoạch đã được chủ sở hữu giao và tăng so với năm 2016.

- Tổng doanh thu là 2.872.682 triệu đồng, tăng 207.592 triệu đồng và bằng 107,8% so với năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 352.110 triệu đồng, tăng 5.148 triệu đồng và bằng 101,5% so với năm 2016.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bằng 45,7%.

* Nguyên nhân: Năm 2017, Bộ Tài chính đồng ý cho tăng số lượng vé và giá trị phát hành vé số truyền thống mỗi kỳ thêm 10 tỷ đồng từ tháng 10/2017 đã góp phần làm tăng doanh thu trong năm 2017.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản năm 2017:

- Tình hình công nợ:

+ Công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017 là 192.613 triệu đồng, trong đó phải thu khách hàng, đại lý tiêu thụ vé số là 178.894 triệu đồng, đây là nợ luân chuyển tiền bán vé số, công ty cho nợ theo đúng quy định hiện hành.

+ Nợ phải trả đến ngày 31/12/2017 là 554.186 triệu đồng, trong đó nợ thuế và khoản phải nộp ngân sách sau khi phân phối lợi nhuận theo quy định là 431.987 triệu đồng.

- Tình hình đầu tư tài sản:

Hiện nay Công ty đã hoàn thành bàn giao xong dự án “Trụ sở làm việc cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh”, Công ty đang thực hiện quyết toán công trình và thoái vốn theo quy định.

Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư mới trụ sở văn phòng đại diện tại tỉnh Bình Thuận với tổng mức đầu tư 6.659 triệu đồng.

4. Tình hình thu nộp Ngân sách năm 2017:

Số phát sinh phải nộp ngân sách là 1.308.512 triệu đồng. Số đã nộp là 1.298.035 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 431.978 triệu đồng.

5. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 115 người lao động với thu nhập bình quân 14 triệu đồng/người/tháng.

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách năm 2017:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. Công ty tuân thủ các quy định về đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số được quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ Tài chính.

Trong thời gian qua, mặc dù bị ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh xổ số điện toán, Công ty vẫn cố gắng duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm vẫn đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Năm báo cáo: 2017

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 05/01/2007.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; Khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng; Phòng hát karaoke, massage, vũ trường.

Vốn điều lệ là 186.445 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước là 109.784 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 58,88% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm		So sánh	
		2016	2017	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng tài sản				
	- Công ty mẹ	243.255	235.259	-7.996	96,7%
	- Hợp nhất	252.508	240.413	-12.095	95,2%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>				
	- Công ty mẹ	56.834	58.875	2.041	103,6%
	- Hợp nhất	54.550	55.168	618	101,1%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu				
	- Công ty mẹ	169.081	160.510	-8.571	94,9%
	- Hợp nhất	174.660	168.241	-6.419	96,3%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>				
	- Công ty mẹ	197.683	197.683	0	100,0%
3	Hàng tồn kho				
	- Công ty mẹ	1.684	1.225	-459	72,7%
	- Hợp nhất	1.756	1.313	-443	74,8%
4	Nợ phải thu				
	- Công ty mẹ	27.026	22.119	-4.907	81,8%
	- Hợp nhất	23.228	16.590	-6.638	71,4%
	<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>				
	- Công ty mẹ	17.315	18.810	1.495	108,6%
	- Hợp nhất	17.315	18.820	1.505	108,7%
5	Nợ phải thu ngắn hạn				
	- Công ty mẹ	26.463	21.556	-4.907	81,5%
	- Hợp nhất	22.666	16.028	-6.638	70,7%
6	Nợ phải trả				

	- Công ty mẹ	74.174	74.749	575	100,8%
	- Hợp nhất	77.848	72.172	-5.676	92,7%
	<i>Trong đó: * Nợ phải trả quá hạn</i>				
	- Công ty mẹ	14.052	14.052	0	100,0%
	- Hợp nhất	14.052	14.052	0	100,0%
	<i>* Nợ phải trả ngắn hạn</i>				
	- Công ty mẹ	48.860	56.901	8.041	116,5%
	- Hợp nhất	57.108	54.127	-2.981	94,8%
7	Tổng doanh thu				
	- Công ty mẹ	134.210	134.105	-105	99,9%
	- Hợp nhất	158.431	158.794	363	100,2%
8	Lợi nhuận trước thuế				
	- Công ty mẹ	-5.614	-8.571	-2.957	152,7%
	- Hợp nhất	-5.456	-5.387	69	98,7%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)				
	- Công ty mẹ	-5.614	-8.571	-2.957	152,7%
	- Hợp nhất	-5.758	-5.829	-71	101,2%
10	Nộp NSNN	29.526	22.125	-7.401	74,9%
11	Tổng số lao động	430	408	-22	94,9%
12	Hệ số nợ/Tổng tài sản				
	- Công ty mẹ	0,30	0,32		
	- Hợp nhất	0,31	0,30		
13	Hệ số nợ/Vốn CSH				
	- Công ty mẹ	0,38	0,38		
14	Tỷ suất LNST/Vốn CSH				
	- Công ty mẹ	-2,8%	-4,3%		
15	Tỷ suất LNST/Doanh thu				
	- Công ty mẹ	-4,2%	-6,4%		
	- Hợp nhất	-3,6%	-3,7%		
16	Hệ số thanh toán hiện thời				
	- Công ty mẹ	1,16	1,03		
	- Hợp nhất	0,96	1,02		

(Số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ năm 2017 đã được kiểm toán của doanh nghiệp)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Tình hình tài chính năm 2017

* Tổng tài sản của Công ty:

- Theo số liệu hợp nhất là 240.413 triệu đồng, giảm 12.095 triệu đồng và bằng 95,2% so với năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 55.168 triệu đồng.

- Theo số liệu của công ty mẹ là 235.259 triệu đồng, giảm 7.996 triệu đồng và bằng 79,6% so với năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 58.875 triệu đồng. Công ty phát sinh khoản phải thu ngắn hạn khó đòi là 18.810 triệu đồng.

* Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty:

- Theo báo cáo hợp nhất là 168.241 triệu đồng, giảm 6.419 triệu đồng và bằng 96,3% so với năm 2016.

- Theo báo cáo của công ty mẹ là 160.510 triệu đồng, giảm 8.571 triệu đồng và bằng 94,9% so với năm 2016.

* Nợ phải trả theo báo cáo hợp nhất là 72.172 triệu đồng, giảm 5.676 triệu đồng và bằng 92,7% so với năm 2016. Trong đó:

- Nợ phải trả ngắn hạn là 54.127 triệu đồng, chủ yếu là: Nợ cổ tức (10.332 triệu đồng), thuế và các khoản phải nộp nhà nước (24.851 triệu đồng).

- Nợ phải trả dài hạn là 18.045 triệu đồng; chủ yếu là vay ngân hàng (14.129 triệu đồng), trong đó khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và đang được khoanh nợ là 14.052 triệu đồng chưa xử lý.

* Công ty không bảo toàn được vốn, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo báo cáo hợp nhất và công ty mẹ lần lượt là 38.689 triệu đồng và 37.174 triệu đồng.

* Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn theo báo cáo hợp nhất là 1,03 lần.

* Hệ số nợ trên tổng tài sản theo báo cáo hợp nhất và của công ty mẹ lần lượt là 0,30% và 0,32%.

* Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu theo báo cáo của công ty mẹ là 0,38%.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu theo số liệu của báo cáo hợp nhất và công ty mẹ lần lượt là 158.794 triệu đồng và 134.105 triệu đồng, tăng 0,2% và giảm 0,1% so với thực hiện năm 2016. Báo cáo hợp nhất năm 2017 tổng doanh thu thực hiện chỉ đạt 88,9% chỉ tiêu kế hoạch chủ sở hữu giao.

- Trong năm, Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế theo số liệu báo cáo hợp nhất và của công ty mẹ lần lượt là 5.829 triệu đồng và 8.571 triệu đồng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp năm 2017

Trong năm, Công ty sử dụng vốn không hiệu quả được thể hiện qua khoản lỗ sau thuế theo số liệu báo cáo hợp nhất và của công ty mẹ lần lượt là 5.829 triệu đồng và 8.571 triệu đồng.

b. Tình hình đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2017, công ty mẹ đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn ra ngoài doanh nghiệp với tổng số vốn là 119.414 triệu đồng, cụ thể:

- Đầu tư vào công ty con là 47.664 triệu đồng, gồm: Công ty CP Du lịch Thùy Vân (9.868 triệu đồng), Công ty CP Du lịch Nghinh Phong (37.796 triệu đồng).

- Đầu tư vào công ty liên kết là 7.898 triệu đồng, gồm: Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông (6.708 triệu đồng), Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm (1.190 triệu đồng).

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là 63.852 triệu đồng, gồm: Công ty CP Du lịch Sài Gòn-Bình Châu (28.603 triệu đồng), Công ty CP Lạc Việt (13.000 triệu đồng), Công ty CP TMDLVũng Tàu-Sài Gòn (9.390 triệu đồng), Công ty CP Du lịch sinh thái Long Hải (3.469 triệu đồng), Công ty TNHH Nam Biển Đông (3.327 triệu đồng), Công ty CP Du lịch Minh Đạm (2.784 triệu đồng), Công ty CP Dịch vụ thể thao & Thi đấu giải trí (1.169 triệu đồng), Công ty TNHH TMDVKT điện Thành Công (800 triệu đồng), Công ty CP Du lịch San hô Xanh Côn Đảo (800 triệu đồng), Công ty CP Du lịch An Hoa (500 triệu đồng).

Tổng số vốn đã đầu tư mang lại hiệu quả rất thấp; Công ty phải thực hiện dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 13.640 triệu đồng.

Công ty thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn vào chứng khoán là 18.821 triệu đồng và thực hiện dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là 8.731 triệu đồng (giảm 2.691 triệu đồng so với năm 2016).

c. Tình hình thu nộp ngân sách năm 2017

- Số phát sinh phải nộp ngân sách là 28.091 triệu đồng.

- Số đã nộp vào ngân sách là 22.125 triệu đồng. Số tồn đọng còn phải nộp ngân sách đến ngày 31/12/2017 là 24.851 triệu đồng.

d. Tình hình sử dụng lao động, thu nhập của người lao động năm 2017

Doanh nghiệp đã tạo việc làm cho 408 người lao động với thu nhập bình quân 66 triệu đồng/người/năm.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Doanh nghiệp chưa tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (chậm thực hiện nộp tiền thuế, tiền phạt qua thanh tra vào ngân sách nhà nước). Doanh nghiệp có lập và nộp các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính; tuy nhiên vẫn còn một số báo cáo chưa lập và gửi đúng thời hạn quy định.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Năm 2017, công ty kinh doanh không hiệu quả; có khả năng mất vốn (lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo số liệu báo cáo hợp nhất và của công ty mẹ lần lượt là 38.689 triệu đồng và 37.174 triệu đồng); hầu hết các dự án đầu tư của công ty không mang lại hiệu quả.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 6 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
ĐẠI CHỨC CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long